

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP NGÀNH LUẬT KHÓA 41 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (Đợt 3)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Số TCTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Số vào sổ gốc cấp phát VB	Ghi chú
1	410808	Nguyễn Đức Thành	14/05/1998	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.01	Khá	0570-K41-2020	
2	411339	Nguyễn Hồng Nhung	20/03/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	129	3.13	Khá	0571-K41-2020	
3	412902	Đào Thị Thu Trang	20/09/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.4	Giỏi	0572-K41-2020	
4	412903	Bùi Minh Thông	26/02/1998	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.42	Giỏi	0573-K41-2020	
5	412904	Nguyễn Trung Kiên	28/10/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.12	Khá	0574-K41-2020	
6	412908	Nguyễn Lê Hoài Phương	13/10/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.21	Giỏi	0575-K41-2020	
7	412911	Võ Diệp Minh Trang	03/08/1998	Quảng Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.37	Giỏi	0576-K41-2020	
8	412912	Phạm Thị Thanh Vân	19/03/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.21	Giỏi	0577-K41-2020	
9	412913	Dương Kiều Trinh	19/06/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.61	Xuất sắc	0578-K41-2020	
10	412914	Võ Phương Thảo	28/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.32	Giỏi	0579-K41-2020	
11	412916	Lê Hương Giang	08/02/1997	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.29	Giỏi	0580-K41-2020	
12	412919	Đỗ Thị Bạch Dương	26/07/1998	Hà Nam	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.29	Giỏi	0581-K41-2020	
13	412920	Nguyễn Khánh Linh	14/12/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.26	Giỏi	0582-K41-2020	
14	412921	Nguyễn Anh Thư	22/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	130	3.71	Xuất sắc	0583-K41-2020	
15	412922	Hà Lê Thành Trung	10/02/1998	Liên bang Nga	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.62	Xuất sắc	0584-K41-2020	

16	412923	Dương Minh Thảo	15/05/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.22	Giỏi	0585-K41-2020	
17	412924	Hà Hồng Nhung	08/07/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.33	Giỏi	0586-K41-2020	
18	412925	Nguyễn Hà Phương	14/04/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	2.98	Khá	0587-K41-2020	
19	412929	Lê Mai Ly	26/05/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3	Khá	0588-K41-2020	
20	412931	Nguyễn Thị Phương Anh	19/05/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.16	Khá	0589-K41-2020	
21	412932	Nguyễn Nữ Hồng Dương	10/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.65	Xuất sắc	0590-K41-2020	
22	413002	Nguyễn Minh Công	07/12/1998	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	2.86	Khá	0591-K41-2020	
23	413003	Phạm Hải Long	30/10/1998	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	2.86	Khá	0592-K41-2020	
24	413004	Nguyễn Minh Hà	21/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.25	Giỏi	0593-K41-2020	
25	413006	Hoàng Anh Tuấn	07/09/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.27	Giỏi	0594-K41-2020	
26	413008	Lê Thị Yến	16/11/1998	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.01	Khá	0595-K41-2020	
27	413009	Đặng Thị Thúy Hằng	05/01/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	139	3.18	Khá	0596-K41-2020	
28	413010	Trần Thị Mai Phương	26/08/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.39	Giỏi	0597-K41-2020	
29	413012	Trần Linh Chi	05/09/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.29	Giỏi	0598-K41-2020	
30	413014	Phạm Thị Diệu Hằng	24/04/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.18	Khá	0599-K41-2020	
31	413015	Đặng Minh Anh	05/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.23	Giỏi	0600-K41-2020	
32	413016	Nguyễn Thu Hằng	21/11/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.24	Giỏi	0601-K41-2020	
33	413017	Nguyễn Diệu Anh	02/10/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.44	Giỏi	0602-K41-2020	
34	413018	Vũ Trung Hiếu	25/10/1998	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	128	3.2	Giỏi	0603-K41-2020	
35	413019	Dương Thị Vân Phương	12/10/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.3	Giỏi	0604-K41-2020	
36	413020	Tô Vũ Nhật Minh	31/01/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	128	3.47	Giỏi	0605-K41-2020	
37	413021	Nguyễn Thị Minh Hạnh	01/11/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	130	3.2	Giỏi	0606-K41-2020	
38	413022	Vũ Bảo Ly	13/07/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	129	3.48	Giỏi	0607-K41-2020	

39	413023	Đào Thúy Hà	12/02/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.2	Giỏi	0608-K41-2020	
40	413025	Hoàng Thị Thùy Trang	26/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.12	Khá	0609-K41-2020	
41	413028	Phan Thị Thùy Dương	13/01/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.34	Giỏi	0610-K41-2020	
42	413029	Đặng Huyền My	17/11/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.39	Giỏi	0611-K41-2020	
43	413030	Đỗ Minh Anh	03/06/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.36	Giỏi	0612-K41-2020	
44	413031	Vũ Thanh Huyền	09/12/1998	Quảng Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.57	Giỏi	0613-K41-2020	
45	413032	Lê Hương Ly	26/02/1998	Phú Thọ	Nữ	Mường	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.14	Khá	0614-K41-2020	
46	413033	Nguyễn Đặng Linh Đan	03/05/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.36	Giỏi	0615-K41-2020	
47	413101	Tô Anh Thư	19/11/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.51	Giỏi	0616-K41-2020	
48	413102	Vũ Thị Thúy	12/03/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.43	Giỏi	0617-K41-2020	
49	413103	Lê Hà An Ngọc	28/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.7	Xuất sắc	0618-K41-2020	
50	413105	Lê Thị Ngân	31/01/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.35	Giỏi	0619-K41-2020	
51	413106	Hoàng Đào Thanh Trang	27/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.23	Giỏi	0620-K41-2020	
52	413108	Trần Thảo Nhi	06/08/1998	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	2.97	Khá	0621-K41-2020	
53	413110	Vi Thị Minh Huệ	02/08/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.11	Khá	0622-K41-2020	
54	413112	Phạm Quốc Anh	28/08/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.18	Khá	0623-K41-2020	
55	413113	Lê Thị Hà Thu	19/08/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.5	Giỏi	0624-K41-2020	
56	413115	Vũ Hoàng Anh	10/12/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	139	3.55	Giỏi	0625-K41-2020	
57	413116	Phạm Thị Hồng Nhung	11/04/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.26	Giỏi	0626-K41-2020	
58	413117	Lê Thùy Dương	22/09/1998	Điện Biên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.23	Giỏi	0627-K41-2020	
59	413118	Nguyễn Phương Anh	01/09/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.25	Giỏi	0628-K41-2020	
60	413119	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/08/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.36	Giỏi	0629-K41-2020	
61	413123	Nguyễn Hoàng Anh	13/01/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.16	Khá	0630-K41-2020	

62	413125	Nguyễn Phương Thảo	05/04/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.61	Xuất sắc	0631-K41-2020	
63	413126	Trần Minh Anh	23/10/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.06	Khá	0632-K41-2020	
64	413127	Hồ Mai Chi	11/08/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.38	Giỏi	0633-K41-2020	
65	413128	Nguyễn Ngọc Diệp	04/07/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.24	Giỏi	0634-K41-2020	
66	413129	Lương Thùy Dương	01/04/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.29	Giỏi	0635-K41-2020	
67	413130	Hà Minh Thiện	15/08/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	2.85	Khá	0636-K41-2020	
68	413131	Đinh Vũ Khánh Định	11/02/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.14	Khá	0637-K41-2020	
69	413132	Nguyễn Thúy Ngân	28/06/1998	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	3.38	Giỏi	0638-K41-2020	
70	413133	Đoàn Ngọc Hà	03/02/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	127	2.91	Khá	0639-K41-2020	
71	413203	Vũ Thị Thúy Hà	31/12/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.11	Khá	0640-K41-2020	
72	413205	Huỳnh Phương Anh	31/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.39	Giỏi	0641-K41-2020	
73	413206	Nguyễn Cẩm Linh	26/09/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.37	Giỏi	0642-K41-2020	
74	413207	Nguyễn Phương Thảo	18/11/1998	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.29	Giỏi	0643-K41-2020	
75	413208	Hà Thị Trang	02/05/1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.17	Khá	0644-K41-2020	
76	413210	Bùi Nhật Linh	04/09/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.18	Khá	0645-K41-2020	
77	413212	Vũ Quốc Tuấn	25/10/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.38	Giỏi	0646-K41-2020	
78	413213	Nguyễn Thị Châu Loan	19/11/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	130	3.28	Giỏi	0647-K41-2020	
79	413214	Phạm Thùy Dương	27/08/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.36	Giỏi	0648-K41-2020	
80	413215	Nguyễn Anh Phương	10/10/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.25	Giỏi	0649-K41-2020	
81	413216	Đỗ Tiến Đạt	08/06/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	133	3.61	Xuất sắc	0650-K41-2020	
82	413217	Trần Trung Hiếu	31/10/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	131	3.61	Xuất sắc	0651-K41-2020	
83	413218	Lê Tùng Lâm	20/06/1998	Hải Dương	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3	Khá	0652-K41-2020	
84	413219	Đặng Thanh Xuân	17/01/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.26	Giỏi	0653-K41-2020	

85	413220	Đỗ Ngọc Mai	30/12/1998	Thái Nguyên	Nữ	Tây	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.31	Giỏi	0654-K41-2020	
86	413221	Nguyễn Thị Thu Phương	21/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.24	Giỏi	0655-K41-2020	
87	413225	Bùi Phi Long	28/08/1997	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.28	Giỏi	0656-K41-2020	
88	413227	Trần Thị Bích Thủy	13/02/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.27	Giỏi	0657-K41-2020	
89	413228	Nguyễn Phương Ngân	05/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.32	Giỏi	0658-K41-2020	
90	413230	Nguyễn Ngọc Thạch	16/07/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.01	Khá	0659-K41-2020	
91	413232	Hoàng Kim Thanh	05/11/1998	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.21	Giỏi	0660-K41-2020	
92	413233	Trương Thị Lan Anh	10/04/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật CLC	2020	126	3.27	Giỏi	0661-K41-2020	
Danh sách gồm 92 sinh viên														

